ISO 9001: 2015

THÉP VIỆT NAM
VINASTEEL

VỮNG UY TÍN - BỀN GIÁ TRỊ

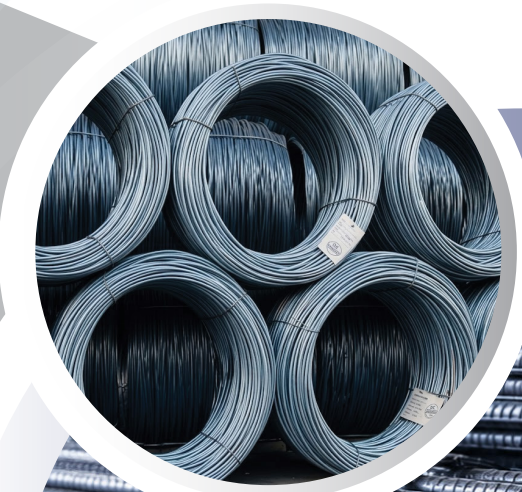

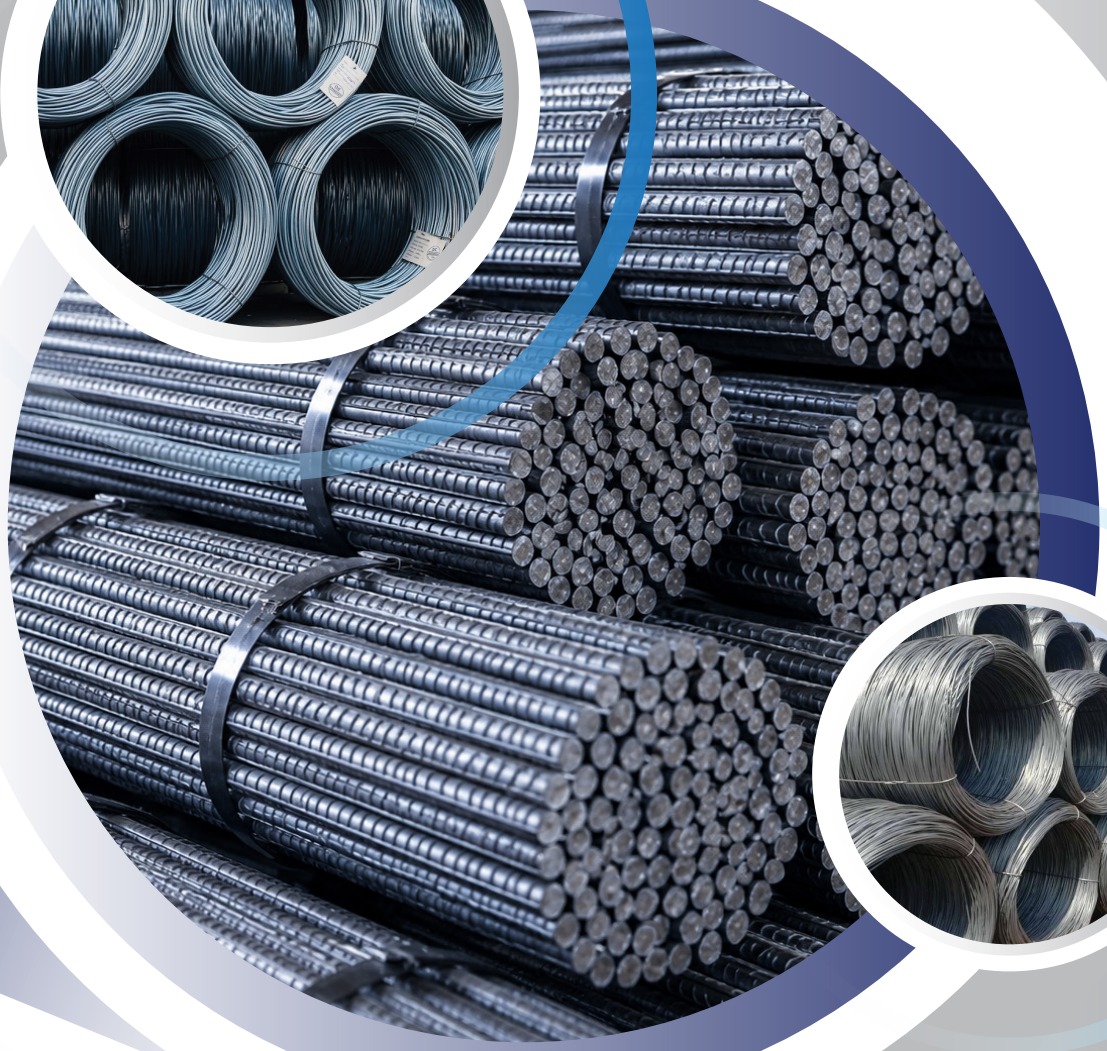

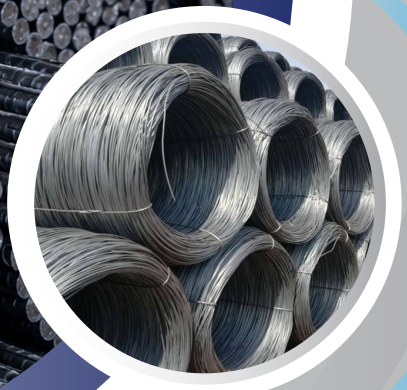

VINASTEEL MILL JOINT STOCK COMPANY

Solid Prestige - Lasting Value

GIỚI THIỆU

VINASTEEL

INTRODUCTION TO VINASTEEL

Vững uy tín Bền giá trị

Solid Prestige - Lasting Value

VinaSteel là đơn vị chuyên sản xuất và cung cấp thép xây dựng, với định hướng phát triển dựa trên chất lượng và uy tín. Các sản phẩm được sản xuất theo quy trình kiểm soát chặt chẽ, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và ứng dụng rộng rãi trong các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng. Hai dòng sản phẩm chủ lực gồm thép thanh và thép cuộn, mang lại giải pháp vật liệu linh hoạt và hiệu quả cho nhiều nhu cầu sử dụng khác nhau./ *VinaSteel is a unit specializing in manufacturing and supplying Deformed Bar Steel, with a development orientation based on quality and prestige. Our products are manufactured under strict control processes, meeting technical requirements and widely applied in civil, industrial, and infrastructure projects. The two main product lines, including rebar and wire rods, provide flexible and effective material solutions for various usage needs.*

CHẤT LƯỢNG
Quality

ỔN ĐỊNH
Stability

BỀN VỮNG
Sustainability

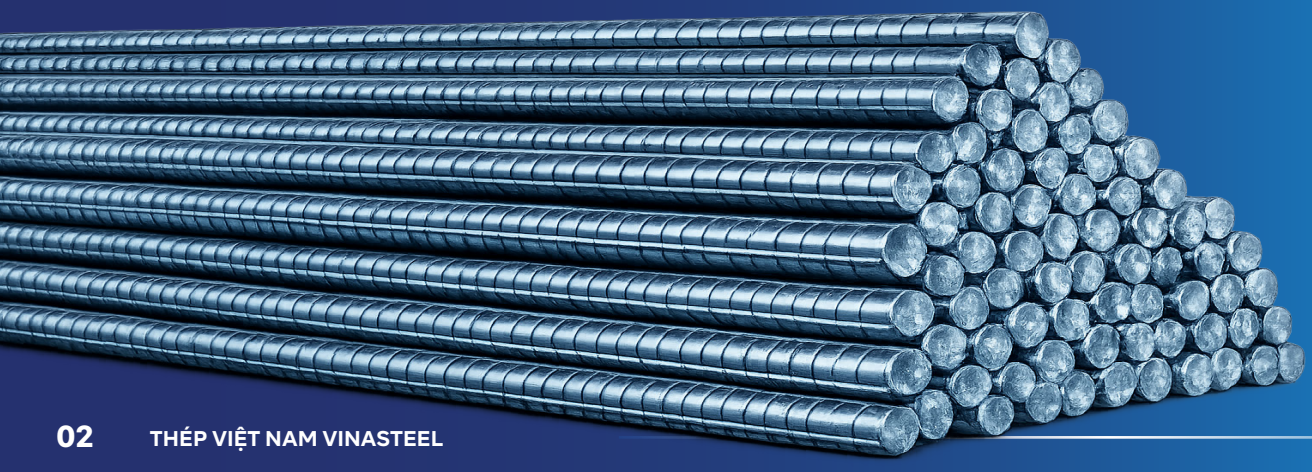

THÔNG TIN CÔNG TY
COMPANY INFORMATION

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NAM VINASTEEL
VINASTEEL MILL JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ *Address*	Lô CN04-06, Khu Công nghiệp Đồng Sóc, xã Vĩnh Tường, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam/ *Lot CN04-06, Dong Soc Industrial Park, Vinh Tuong Commune, Phu Tho Province, Vietnam*
Liên hệ *Contact*	02113 838 938
Website	https://vinasteel-vns.com.vn/
Email	contact@vinasteel-vns.com.vn
Mã số thuế *Tax Code*	2500737726

TẦM NHÌN
SỨ MỆNH

VISION - MISSION - CORE VALUES

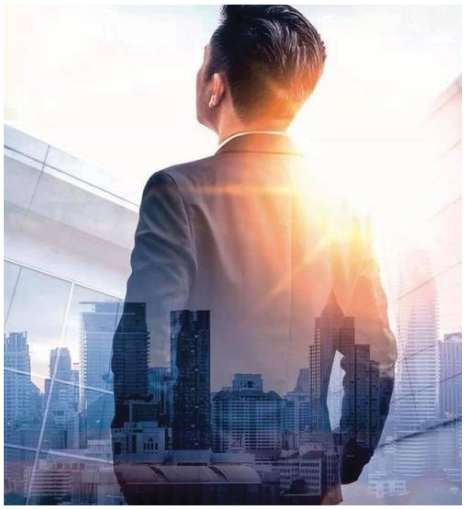

TẦM NHÌN/ VISION

Trở thành đơn vị uy tín trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp thép xây dựng, hướng tới phát triển bền vững và tạo dựng giá trị lâu dài cho khách hàng và đối tác./ *To become a reputable company in the manufacturing and supply of construction steel, aiming for sustainable development and creating long-term value for customers and partners.*

SỨ MỆNH/ MISSION

Cung cấp các sản phẩm thép xây dựng đạt tiêu chuẩn chất lượng, góp phần nâng cao độ bền vững cho công trình và đồng hành cùng khách hàng trong từng quá trình phát triển./ *Providing construction steel products that meet quality standards, contributing to enhancing the durability of structures and accompanying customers in the development process.*

GIÁ TRỊ
CỐT LÕI
CORE VALUES

VINASTEEL

UY TÍN
Reputation
Ổn định vượt chuẩn/ *Stability beyond the standard*

CHẤT LƯỢNG
Quality
Xây dựng niềm tin/ *Building Trust*

BỀN VỮNG
Sustainability
Tối ưu giá trị/Optimizing Value

HIỆU QUẢ
Efficiency
Đồng hành dài lâu/ Long-term Partnership

NĂNG LỰC CÔNG TY
COMPANY CAPABILITY

800.000
Tấn/ Năm *(Tons / Year)*
Công suất sản xuất mỗi năm/ *Annual production capacity*

Hệ thống vận hành tối ưu, nâng cao hiệu suất và hướng tới sản xuất bền vững./ *Optimized operations enhance efficiency and support sustainable production.*

40 + Năm
Year
Kinh nghiệm trong ngành thép xây dựng/ *Experience in the Deformed Bar Steel*

Sản xuất khép kín, kiểm soát chặt chẽ, ứng dụng công nghệ tiên tiến, đảm bảo chất lượng và cơ lý ổn định./ *Closed-loop steel production process with strict control, applying advanced technology to ensure stable quality and output.*

THÉP THANH VẰN

REBAR STEEL

NỀN TẢNG VỮNG CHẮC CHO MỌI CÔNG TRÌNH

A Solid Foundation for Every Structure

Thép thanh vằn Vinasteel được sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế, mang đến chất lượng ổn định cho ngành xây dựng./ *Vinasteel steel bars are manufactured to international standards, delivering stable quality for the construction industry.*

01 CẤU TẠO/ STRUCTURE

Gân thép/ *Ribbed Surface*

Tăng bám dính với bê tông/ *Enhances bonding with concrete*

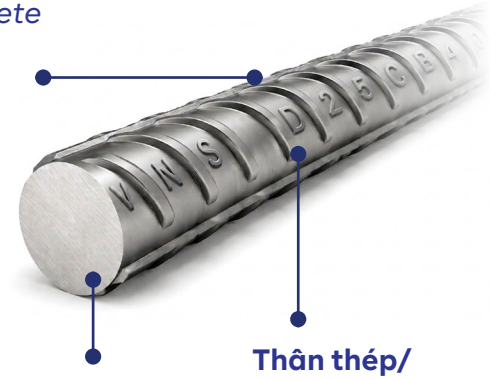

Tiết diện tròn/
Round Cross-section

Dễ gia công, phân bố lực tốt/ *Easy to process and provides efficient force distribution*

Thân thép/
Steel Core

Chịu lực chính, độ bền cao./ *Main load-bearing part with high durability*

02 ƯU ĐIỂM VƯỢT TRỘI ADVANTAGES

CHỊU LỰC CAO/ HIGH STRENGTH

Đảm bảo khả năng chịu tải cho kết cấu bê tông/ *Ensures strong load-bearing capacity for reinforced concrete structures*

BÁM DÍNH TỐT/ GOOD ADHESION

Bề mặt gân tăng liên kết với bê tông/ *Ribbed surface improves adhesion with concrete*

CƠ LÝ ỔN ĐỊNH/ STABLE EQUILIBRIUM

Đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật/ *Meets technical and quality standards*

SẢN XUẤT KIỂM SOÁT/
CONTROLLED PRODUCTION

Quy trình chặt chẽ, chất lượng đồng đều/ *Strict manufacturing process ensures consistent quality*

03 THÔNG SỐ KỸ THUẬT/ TECHNICAL SPECIFICATIONS

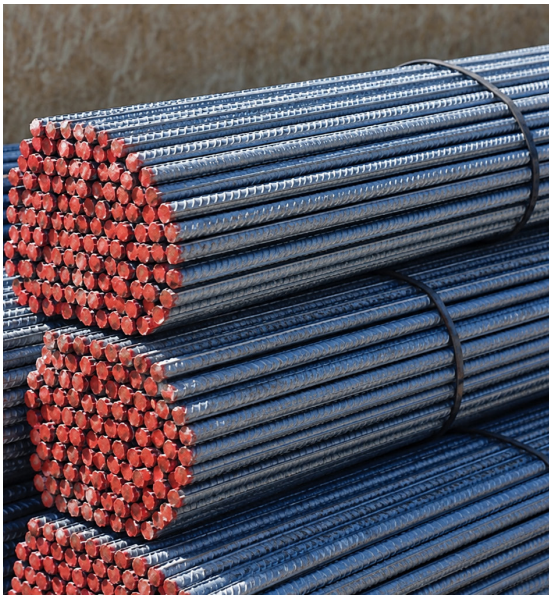

Kích cỡ Size	Đường kính/ *Diameter*: D10mm – D40mm
Tiêu chuẩn Standards	TCVN 1651-2:2018 ASTM A615/ A615M – 20 (Hoa Kỳ) JIS G3112:2010 (Nhật Bản) *TCVN 1651-2:2018* *ASTM A615/A615M–20 (USA)* *JIS G3112:2010 (Japan)*

100% **Kiểm định chất lượng**
Quality Inspection

34+ **Tỉnh thành phân phối**
Distribution Provinces

THÉP CUỘN

WIRE ROD STEEL

NỀN TẢNG VẬT LIỆU BỀN VỮNG CHO MỌI CÔNG TRÌNH

A Durable Material Foundation for Every Structure

Thép cuộn Vinasteel được sản xuất theo quy trình kiểm soát chặt chẽ, đáp ứng nhu cầu cơ khí, công nghiệp và xây dựng với chất lượng ổn định./ *Vinasteel wire rod steel are manufactured under strict quality control, meeting the demands of mechanical, industrial, and construction applications with stable quality.*

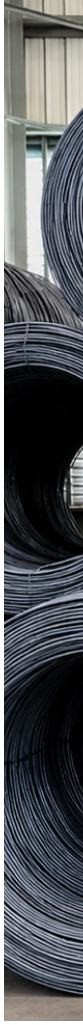

100%
Kiểm soát chất lượng
Quality Control

500+
Ứng dụng công trình
Construction Applications

300+
Đối tác tin dùng
Trusted Partners

01 CẤU TẠO/ STRUCTURE

Bề mặt/ *Surface*

Sáng bóng, hạn chế gỉ, dễ gia công/ *Bright finish, oxidation-resistant, easy to process*

Tiết diện/ *Cross-section*

Tròn đều, oval nhỏ
Phân bố lực tốt, ổn định/ *Uniform roundness, low ovality, good force distribution and stability*

Thân thép/ *Steel Core*

Chịu lực chính, độ bền cao/ *Main load-bearing part with high durability*

Tiết diện tròn
Round Cross-section

Dễ gia công, phân bố lực tốt/ *Easy to process and provides efficient force distribution*

02 ƯU ĐIỂM VƯỢT TRỘI STRUCTURE

DẠNG CUỘN LINH HOẠT
FLEXIBLE COIL FORM

Dễ vận chuyển, bảo quản và sử dụng trong thi công/ *Convenient for transportation, storage, and on-site use*

ĐẶC TÍNH CƠ LÝ
STABLE MECHANICAL PROPERTIES

Đáp ứng các chỉ tiêu theo tiêu chuẩn kỹ thuật/ *Meets technical standard requirements*

KHẢ NĂNG GIA CÔNG
PROCESSING CAPABILITY

Phù hợp uốn, kéo và tạo hình trong nhiều hạng mục/ *Suitable for bending, drawing, and forming in various applications*

QUY TRÌNH SẢN XUẤT/
CONTROLLED PRODUCTION PROCESS

Quy trình chặt chẽ, chất lượng đồng đều/ *Strict manufacturing process ensures consistent quality*

03 THÔNG SỐ KỸ THUẬT/ / TECHNICAL SPECIFICATIONS

Kích cỡ Size	Φ 6, Φ8, D8 gai, Φ10 Đường kính ngoài cuộn/ *diameter*: Φ 1,2 m
Tiêu chuẩn Standards	TCVN 1651-1:2018 ASTM A615/ A615M – 20 (Hoa Kỳ/USA) JIS G3112:2010 (NB/Japan)
Bề mặt Surface	Sáng bóng/ *Bright finish*
Tiết diện Cross-section	Rất tròn, độ ôvan nhỏ/ *Very round with low ovality*
Trọng lượng cuộn/ Weight	1000kg – 2100kg
Đường kính ngoài cuộn Diameter	Φ 1,2 m

ỨNG DỤNG
THÉP THANH VẰN
APPLICATIONS OF REBAR STEEL

NHÀ Ở DÂN DỤNG
RESIDENTIAL HOUSING

CHUNG CƯ CAO TẦNG
HIGH-RISE APARTMENTS

NHÀ XƯỞNG CÔNG NGHIỆP
INDUSTRIAL WORKSHOP

CẦU ĐƯỜNG & HẠ TẦNG
TRANSPORT INFRASTRUCTURE

CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI
COMMERCIAL BUILDINGS

KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP
CONCRETE STRUCTURES

CÔNG TRÌNH VEN BIỂN
COASTAL CONSTRUCTION

NHÀ THÉP TIỀN CHẾ
PEB STRUCTURES

ỨNG DỤNG
THÉP CUỘN
APPLICATIONS OF WIRE ROD STEEL

1

LIÊN KẾT SÀN THÉP/ STEEL FLOORING PLATFORM

Được sử dụng phổ biến trong công tác liên kết và cố định cốt thép tại các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật./ *Widely used for tying and fixing reinforcement bars in residential, industrial, and infrastructure projects.*

2

GIA CÔNG KÉO DÂY THÉP/ STEEL WIRE DRAWING

Là nguyên liệu quan trọng trong sản xuất dây thép, dây buộc, dây mạ kẽm và nhiều sản phẩm công nghiệp khác./ *Used as raw material for producing steel wire, binding wire, galvanized wire, and various industrial products.*

3

SẢN XUẤT LƯỚI THÉP HÀN/ WELDED WIRE MESH PRODUCTION

Ứng dụng trong gia công lưới thép phục vụ nền móng, sàn bê tông và các kết cấu gia cường trong xây dựng./ *Applied in the production of welded wire mesh for foundations, concrete floors, and reinforced structures.*

4

SẢN XUẤT LINH KIỆN CƠ KHÍ/ MANUFACTURING MECHANICAL COMPONENTS

Được sử dụng trong gia công bulong, đai ốc và các chi tiết cơ khí, đáp ứng yêu cầu về độ bền và khả năng chịu lực cao. /*Used in the production of bolts, nuts, and mechanical parts requiring high strength and load-bearing capacity.*

QUY TRÌNH SẢN XUẤT

PRODUCTION PROCESS

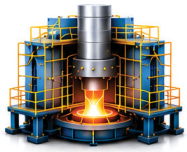

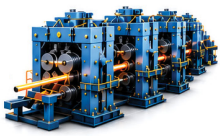

01 PHÔI THÉP
Steel Billet

02 LÒ CẢM ỨNG
Induction Furnace

03 DÂY CHUYỀN CÁN
Rolling Line

SẢN XUẤT THÉP CUỘN
WIRE ROD PRODUCTION

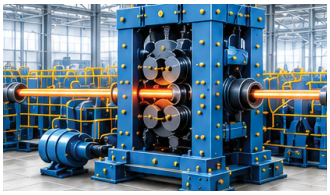

04 GIÁ CÁN ĐỨNG
Vertical Rolling Stand

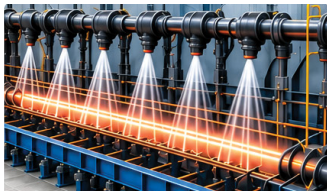

05 HỆ THỐNG LÀM NGUỘI BẰNG NƯỚC
Water Cooling System

06 DÂY CHUYỀN PF LINE
Power & Free Conveyor Line

07 ĐÓNG BÓ VÀ CÂN
Bundling and Weighing

SẢN XUẤT THÉP THANH
REBAR PRODUCTION

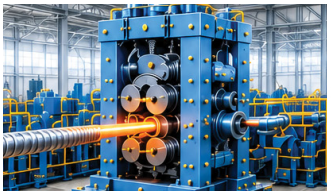

04 GIÁ CÁN ĐỨNG
Vertical Rolling Stand

05 SÀN NGUỘI THÉP THANH
Cooling Bed

06 ĐÓNG BÓ VÀ CÂN
Bundling and Weighing

CAM KẾT QUY TRÌNH
PROCESS COMMITMENT

Công nghệ hiện đại
Modern Technology

Chất lượng bền vững
Sustainable Quality

Thân thiện môi trường
Eco-friendly

Hiệu quả vượt trội
Superior Efficiency

LỢI THẾ CẠNH TRANH
COMPETITIVE ADVANTAGE

Với nhiều năm kinh nghiệm trong ngành, sản phẩm thép của chúng tôi được sản xuất theo quy trình kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo chất lượng ổn định và nguồn cung liên tục. Việc tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật cùng khả năng đáp ứng linh hoạt giúp mang đến giải pháp vật liệu phù hợp cho nhiều ứng dụng khác nhau./ With years of industry experience, our steel products are manufactured under strict quality control to ensure stable quality and continuous supply. Compliance with technical standards and flexible responsiveness enable us to deliver reliable material solutions for various applications.

CAM KẾT CHẤT LƯỢNG
COMPETITIVE ADVANTAGE

CHẤT LƯỢNG
QUALITY

Đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật ngành xây dựng./ *Meets technical standards for the construction industry.*

ỔN ĐỊNH
CONSISTENCY

Duy trì chất lượng đồng nhất giữa các lô hàng./ *Ensuring uniform quality across all batches.*

KIỂM SOÁT
CONTROL

Kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất./ *Strictly controlling the production process.*

TIẾN ĐỘ
PROGRESS

Cung ứng kịp thời theo tiến độ công trình./ *Ensuring timely supply for project schedules.*

THÀNH PHẦN HÓA HỌC &
CƠ TÍNH CỦA MÁC THÉP

CHEMICAL COMPOSITION & MECHANICAL PROPERTIES OF STEEL GRADES

Tiêu chuẩn (Standard)	Mác thép (Grade)	Thành phần hóa học (%) / Chemical composition						
		C	Mn	Si	P	S	Carbon/ equivalent	-
JIS G3505	SWRM6	0.08 max	0.60 max		0.040 max	0.040 max	-	
	SWRM8	0.10 max	0.60 max		0.040 max	0.040 max	-	
	SWRM 10	0.08-0.13	0.30-0.60		0.040 max	0.040 max	-	
	SWRM12	0.10-0.15	0.30-0.60		0.040 max	0.040 max	-	
JIS G3112:2024	SR 235	-	-		0.050 max	0.050 max	-	
	SR 295	-	-		0.050 max	0.050 max	-	
	SD 295	0.27 max	0.55 max	-	0.050 max	0.050 max	-	
	SD 345	0.27 max	0.55 max	0.55 max	0.040 max	0.040 max	0.060 max	
	SD 390	0.29 max	0.55 max	0.55 max	0.040 max	0.040 max	0.065 max	
	SD 490	0.32 max	0.55 max	0.55 max	0.040 max	0.040 max	0.070 max	
TCVN 1651-1:2018 (Việt Nam)	CB 240 - T	-	-	0.55 max	0.050 max	0.050 max	-	
	CB 300 - T	-	-	-	0.050 max	0.050 max	-	
TCVN 1651-2:2018 (Việt Nam)	CB 300 - V	-	-	-	0.050 max	0.050 max	-	
	CB 400 - V	0.29 max	0.55 max	-	0.040 max	0.040 max	0.510 max	
	CB 500 - V	0.32 max	0.55 max	0.55 max	0.040 max	0.040 max	0.610 max	
	CB 600 - V	-	-	0.55 max	0.040 max	0.040 max	0.630 max	
BS 4449:1997 (Anh Quốc)	Gr 250	0.25 max	-	-	0.060 max	0.060 max	0.420 max	
	Gr 460 A	0.25 max	-	-	0.050 max	0.050 max	0.510 max	
	Gr 460 B	0.25 max	-	-	0.050 max	0.050 max	0.510 max	
ASTM A615/A615M - 20	Gr 40	-	-	-	0.060 max	-	-	
	Gr 60	-	-	-	0.060 max	-	-	
SAE J403:2024 (Hoa Kỳ)	SAE1008	SAE1008		-	0.040 max	0.040 max	-	

Cơ tính / Mechanical properties			Đặc tính uốn		
Giới hạn chảy / Yield Point (Re) N/mm2	Giới hạn bền / Tensile strength (Rm) N/mm2	Độ giãn dài / Elongation (%)	Góc uốn (độ) / Angle of bending (độ)	Đường kính uốn	LOẠI THÉP ÁP DỤNG / APPLICABLE FOR
					THÉP TRÒN CUỘN / WIRE ROD
235 min	380 - 520	20 min, với D < 25 22 min, với D >= 25	180	3D	THÉP THANH TRÒN TRƠN / ROUND BAR
295 min	440 - 600	18 min, với D < 25 19 min, với D >= 25	180	3D với D <= 16 4D, với D > 16	
295 min	440 - 600	16 min, với D < 25 17 min, với D >= 25	180	3D với D <= 16 4D với D > 16	THÉP THANH VẰN / DEFORMED BAR
345 - 440	490 min	18 min, với D < 25 19 min, với D ≥ 25	180	3D với D <= 16 4D với 16 < D <= 41	
390 - 510	560 min	16 min, với D < 25 17 min, với D ≥ 25	180	5D	
490 - 625	620 min	12 min, với D < 25 13 min, với D ≥ 25	90	4D	
240 min	380 min	20 min	160 - 180	2D	THÉP TRÒN CUỘN / WIRE ROD
300 min	440 min	16 min	160 - 180	2D	
300 min	450 min	16 min	160 - 180	3D với D ≤ 16 6D với 16 < D ≤ 32 7D với 32 < D ≤ 50	THÉP THANH VẰN / DEFORMED BAR
400 min	570 min	14 min	160 - 180	4D với D ≤ 16 6D với 16 < D ≤ 32 7D với 32 < D ≤ 50	
500 min	650 min	14 min	160 - 180	5D với D ≤ 16 6D với 16 < D ≤ 32 7D với 32 < D ≤ 50	
600 min	710 min	10 min	160 - 180	6D với D ≤ 32 7D với 32 < D ≤ 50	
250 min	(Rm/Re) min = 1.15	22 min	45 (uốn đi & uốn lại)	2D	THÉP THANH VẰN / DEFORMED BAR
460 min	(Rm/Re) min = 1.05	12 min	45 (uốn đi & uốn lại)	5D với D ≤ 16 7D với D > 16	
460 min	(Rm/Re) min = 1.08	14 min	45 (uốn đi & uốn lại)	5D với D ≤ 16 7D với D > 16	
280 min	420 min	D10: 11 min D13,16,19: 12 min	180	D10,D13: 35D D16: 5D	THÉP THANH VẰN / DEFORMED BAR D10-D19
420 min	620 min	D10,13,16,19: 9min D22,25: 8min D29,32,36: 8min	180	D10,13,16: 3.5D D19,22,25: 5D D29,32,36: 7D	
					THÉP THANH VẰN / DEFORMED BAR D10-D36

DUNG SAI TRỌNG LƯỢNG

DEFORMED BAR STEEL UNIT WEIGHT TOLERANCE

Đường kính theo tiêu chuẩn Standard & Dimeter (mm)	Tiết diện ngang Nomial sectional (mm²)	Đơn trọng Unit mass (kg/m)	Dung sai đơn trọng Weight tolerance
JIS G 3112 : 2024			
D6 - D8	-	-	-
D10	71.33	0.560	±6
D13	126.70	0.995	±6
D16	198.60	1.560	±5
D19	286.50	2.250	±5
D22	387.10	3.040	±5
D25	506.70	3.980	±5
D29	642.40	5.040	±4
D32	794.20	6.230	±4
D35	956.60	7.510	±4
TCVN 1651-1:2018 TCVN 1651-2:2018			
Ø6	28.30	0.222	±8
Ø8	50.27	0.395	±8
D10	78.50	0.617	±6
D12	113.00	0.888	±6
D14	154.00	1.210	±5
D16	201.00	1.580	±5
D18	254.50	2.000	±5
D20	314.00	2.470	±5
D22	380.10	2.980	±5
D25	491.00	3.850	±4
D28	616.00	4.830	±4
D32	804.00	6.310	±4
D36	1017.90	7.990	±4
ASTM • A615/A615M - 24			
D10	71.000	0.560	±6
D13	129.00	0.994	±6
D16	199.00	1.552	±6
D19	284.00	2.235	±6
D22	387.00	3.042	±6
D25	510.00	3.973	±6
D29	645.00	5.060	±6
D32	819.00	6.404	±6
D36	1006.00	7.907	±6

HỆ SINH THÁI CÁC CÔNG TY THUỘC VINASTEEL

VINASTEEL GROUP

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NAM VINASTEEL

VINASTEEL MILL JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Lô CN04-06, Cụm CN Đồng Sóc, xã Vĩnh Tường, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Address: *Lot CN04-06, Dong Soc Industrial Cluster, Vinh Tuong Commune, Phu Tho Province, Vietnam*

CÔNG TY CP ỐNG THÉP VIỆT NAM VINAPIPE

VINAPIPE VIETNAM STEEL PIPE JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Lô CN K, KCN Bình Xuyên, xã Bình Nguyên, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Address: *Lot CN K, Binh Xuyen Industrial Park, Binh Nguyen Commune, Phu Tho Province, Vietnam*

CÔNG TY TNHH ỐNG THÉP VIỆT NAM

VIETNAM STEEL PIPE COMPANY LIMITED

Địa chỉ: Km 9, phường Hùng An, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Address: *Km 9, Hung An Ward, Hai Phong City, Vietnam*

THÉP THANH VẰN
Deformed Steel Bars

ỐNG THÉP HỘP
Steel Hollow Sections

ỐNG THÉP TRÒN ĐEN
Black Steel Pipes

THÉP CUỘN TRƠN
Wire Rods

ỐNG TÔN MẠ KẼM
Pre-galvanized Steel Pipes

ỐNG THÉP MẠ KẼM NHÚNG NÓNG
Hot-dip Galvanized Steel Pipes

PHỐI CẢNH

CÁC NHÀ MÁY

LAYOUT OF COMPANIES

LỜI CẢM ƠN

ACKNOWLEDGEMENTS

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Quý khách hàng và đối tác đã luôn tin tưởng, đồng hành cùng Vinasteel trong suốt quá trình phát triển. Sự hợp tác và ủng hộ của Quý vị là động lực để chúng tôi không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Vinasteel cam kết tiếp tục mang đến những giải pháp thép ổn định, bền vững và đáp ứng tốt nhu cầu thực tế. Rất mong tiếp tục nhận được sự đồng hành và hợp tác lâu dài trong tương lai.

We sincerely thank our valued customers and partners for your trust and companionship throughout Vinasteel's development journey. Your support and cooperation motivate us to continuously improve our product quality and services. Vinasteel remains committed to delivering stable, sustainable, and reliable steel solutions that meet practical demands. We look forward to continuing our long-term partnership in the future.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT NAM VINASTEEL

VINASTEEL MILL JOINT STOCK COMPANY

Lô CN04-06, Khu Công nghiệp Đồng Sóc, xã Vĩnh Tường,
Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam/ *Lot CN04-06, Dong Soc Industrial Park,*
Vinh Tuong Commune, Phu Tho Province, Vietnam

02113 838 938

https://vinasteel-vns.com.vn/

contact@vinasteel-vns.com.vn

ISO 9001: 2015

SCAN HERE

Quét mã website VINASTEEL